TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 923/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 1220/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Huỳnh Phụng N, sinh năm: 1996;

Số CCCD: 075196007591; Ngày cấp: 03/8/2022; Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: C, tổ A, phường T, thành phố Đ.

2. Ông Phùng Văn T, sinh năm: 1996;

Số CC: 001096039111; Ngày cấp: 24/12/2025; Nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ thường trú: A, tổ G, khu phố C, phường L, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Huỳnh Phụng N tự nguyện đăng ký kết hôn số 80 năm 2020; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (cũ) nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, lúc đầu hạnh phúc, về sau hai người không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn là có căn cứ.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Phùng Ngọc A, sinh ngày 24/4/2021. Sau khi ly hôn, các đương sự thống nhất giao con chung cho chị

Nguyễn Huỳnh Phụng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời anh Phùng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 7.000.000 đồng/tháng/con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Huỳnh Phụng N tự nguyện chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Huỳnh Phụng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phùng Ngọc A, sinh ngày 24/4/2021 cho chị Nguyễn Huỳnh Phụng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phùng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung 7.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự..

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Huỳnh Phụng N phải nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010511 ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV1-ĐN;
- Phòng THADS KV1-ĐN;
- Nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Mẫu 31-VDS

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Phú Tra